

LỜI CẢM ƠN

Xin trân trọng cảm ơn Ban tổ chức hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa - Lịch sử Đồng Nai năm 2014 đã tổ chức một hội thi vô cùng ý nghĩa. Qua đó giúp mọi người có cơ hội tìm hiểu thêm và ôn lại những công lao, đóng góp và cả những sự hi sinh quả cảm của những bậc tiền nhân xứ Đồng Nai để cảm thấy phải có trách nhiệm hơn đối với sự phát triển của mảnh đất Đồng Nai nói riêng, Việt Nam nói chung trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xin trân trọng cảm ơn Ban quản lý các khu di tích (Đặc biệt là đền Nguyễn Tri Phương) mà tác giả có dịp ghé thăm đã tạo điều kiện để hoàn thành bài viết này.

Đề bài: Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất.

PHẦN I: BÀI CẢM NHẬN

Sinh thời, khi nói về lòng yêu nước của dân tộc ta, chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết rằng: “Dân tộc Việt Nam có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” .

Trong hào khí chống giặc ngoại xâm đó, có những tấm gương đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc, có những con người đã hóa thành bất tử mà tên tuổi của họ Sử sách Việt mãi còn lưu danh đến muôn đời.

Từ thuở nhỏ, tôi có một niềm say mê kì lạ đối với bộ môn khoa học Lịch sử (đặc biệt là của Việt Nam), có lẽ vậy nên tôi có thể say sưa ngồi trước truyền hình để xem những câu chuyện “ Sử cũ, tích xưa”, xem trọn hàng giờ những bộ phim tài liệu về hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc: kháng Pháp và chống Mỹ cứu nước, chuyện về những danh nhân. Đôi mắt ngán lệ trước những tấm gương hi sinh bi hùng vì nước mà quên đi bản thân mình, cảm phục trước những công lao đóng góp to lớn của các bậc tiền nhân cho nước nhà hay những nỗi niềm trăn trở băn khoăn của các bậc tiền bối đi trước khi lúc bấy giờ chưa thể tìm ra được con đường cứu nước của dân tộc, những mẹ Việt nam anh hùng tiễn con đi ra ngoài mặt trận với lời dạy khi sạch bóng quân thù hãy trở về. Ôi tự hào lắm lắm thay những con Lạc, cháu Rồng !

Đồng Nai, mảnh đất miền Đông gian lao mà anh dũng với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển của mình cũng đã trải qua biết bao nhiêu thăng trầm, biến cố của lịch sử. Hòa trong dòng chảy của dân tộc, có những lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi chông gai, thử thách nhưng rồi ý chí, nghị lực và một niềm tin mạnh mẽ vào ngày mai tươi sáng đã vượt qua tất cả. Góp phần làm nên những trang Sử chói lọi của Đồng Nai đó là những danh nhân, những tấm

gương yêu nước oanh liệt, những Mẹ Việt Nam anh hùng có thể kể tên như: Nguyễn Hữu Cảnh, Trịnh Hoài Đức, Đoàn Văn Cự, Nguyễn Tri Phương .v.v.v Và tất cả người con xứ Đồng Nai anh hùng trong một nước Việt Nam anh hùng.



Nguyễn Tri Phương (1800-1873)

Trong triệu triệu người con ưu tú của dân tộc này, tôi cảm phục tất cả và một trong số đó chính là Nguyễn Tri Phương - đại danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn - một tấm gương yêu nước trung liệt, can trường - một trong những nhân vật tiêu biểu của xứ Đồng Nai mà tôi hằng tâm đắc nhất.

Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu Đường Xuyên, sinh ngày 21 tháng 07 năm Canh Thân tức

ngày 09 tháng 09 năm 1800. Quê quán thôn Chí Long (còn gọi là Đường Long nay là thôn Trung Thạnh), xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế trong một gia đình làm ruộng và thợ mộc, song thân là ông Nguyễn Văn Đăng và bà Nguyễn Thị Thê. Thuở thiếu thời, ông là người tài trí và thông minh nên được trọng dụng ở quê nhà. Sau được bổ sung vào bộ máy triều đình nhà Nguyễn.

Tuy xuất thân trong một gia đình làm ruộng và nghề thợ mộc, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, ông đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chân thợ lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Năm Quý Mùi (1823), vua Minh Mạng đề bạt ông hàm Điện bộ (Bí thư ở Nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ, năm 1831 thăng Hồng Lô tự khanh.

Năm 1832, ông được sung vào phái bộ sang Trung Quốc về việc thương mại. Năm 1835 ông nhận lệnh vua Minh Mạng vào Gia Định cùng Trương Minh

Giảng bình định các vùng mới khai hoang. Việc thành công ông được thăng hàm Thị lang.

Năm 1837, ông bị triều thần dèm pha, nên bị giáng xuống làm thơ lại ở bộ Lại. Cuối năm, ông được khôi phục hàm Chủ sự, sung chức Lang trung. Năm sau ông thăng Thị lang bộ Lễ, năm 1839 thăng hàm Tham tri, làm việc ở Nội các.

Năm Canh Tý (1840), ông được bổ làm Tuần phủ Nam Nghĩa, trông coi bố phòng cửa biển Đà Nẵng. Công việc hoàn thành tốt đẹp, ông được triệu về kinh thăng Tham tri bộ Công, được vua Thiệu Trị cử làm Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Tại đây, ông dẹp tan được các toán giặc cướp nước ngoài vào quấy phá. Tháng 5 năm 1844, ông được cải bổ Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên). Năm 1845, ông cùng với Doãn Uẩn đánh bại quân Xiêm La của tướng Bodin, bình định Cao Miên, ổn định hoàn toàn vùng biên giới Tây Nam thuộc miền Tây Nam bộ. Sau, thăng Khâm sai quân thứ đại thần Trấn Tây hàm Tông Hiệp Biện Đại học sĩ (tháng 9 năm 1845), rồi được thưởng danh hiệu "An Tây trí dũng tướng" (tháng 2 năm 1847).

Tháng 5 năm 1847, ông được triệu về kinh, thăng hàm Chánh Hiệp biện đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Công đại thần Cơ mật viện, tước Tráng Liệt tử và được ban một Ngọc bài có khắc bốn chữ "Quân kỳ thạc phụ", được chép công trạng vào bia đá ở Võ miếu (Huế). Sau khi vua Thiệu Trị mất, ông được đình thần tôn làm Phụ chính Đại thần (theo di chiếu).

Năm Mậu Thân (1848), vua Tự Đức phong tước cho ông là Tráng Liệt bá. Cùng năm đó, cha ông qua đời. Ông xin về cử tang, nhưng vì đang làm Phụ chính nên chỉ được nghỉ một thời gian ngắn phải ra làm việc tại triều đình.

Năm Canh Tuất (1850), vua Tự Đức chuẩn phê cải tên ông là Nguyễn Tri Phương, lấy ý câu "*Dũng dã tri phương*" nghĩa là dũng mãnh và lắm mưu trí để khen tặng. Từ đó tên Nguyễn Tri Phương trở thành tên chính của ông. Sau đó ông được sung chức Khâm sai Tổng thống Quân vụ Đại thần các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Năm 1853, ông được thăng Điện hàm Đông các Đại học sĩ, rồi lãnh chức Kinh lược sứ Nam Kỳ. Trong thời gian này, ông có công lập được nhiều đồn điền, khai khẩn đất hoang, dân cư ở địa phương được an cư lập nghiệp.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhu cầu về thị trường và thuộc địa tăng cao thì cũng là lúc các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh công cuộc xâm lược thuộc địa. Việt Nam cũng không thoát khỏi số phận chung đó. Trước tham vọng vô bờ của giặc, cuối cùng non sông Việt cũng phải gánh gồng thêm bao nỗi tang thương.

Thực hiện kế hoạch xâm lược Việt Nam của vua nước Pháp là Napôlêông III, ngày 31 tháng 08 năm 1858 quân Pháp (có một bộ phận quân Tây Ban Nha phối hợp) dàn trận ở cửa biển Đà Nẵng; lực lượng gồm 14 chiến thuyền (Pháp có 13 chiến thuyền, Tây Ban Nha có 1 chiến thuyền) và 2.350 quân do Rigault de Genouilly chỉ huy nổ súng tấn công vào cửa biển Đà Nẵng mở đầu cho công cuộc xâm lược nước ta.



Liên quân Pháp- Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng năm 1858

Với vũ khí tối tân, Pháp đã uy hiếp và phá hủy một số lớn đồn lũy. Sau hai ngày, giặc lần lượt chiếm đồn Nại Hiên Đông và An Hải (quận Sơn Trà ngày nay), mặt trận Đà Nẵng nguy ngập. Vận mệnh đất nước lâm nguy, vua Tự Đức đã chọn quan văn Nguyễn Tri Phương chứ không phải ai khác cầm quân ra trận, trao cho ông toàn quyền quyết định trên chiến trường. Khi được điều vào làm Tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam – Đà Nẵng, Nguyễn Tri Phương với lòng yêu nước căm thù quân xâm lược cộng với thiên tài quân sự của mình, ông đã cho áp dụng kế hoạch gồm hai điểm : triệt để sơ tán, thực hiện chính sách “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với giặc, ngoài ra ông còn cho đắp các chiến lũy kéo dài từ Hải Châu đến Phúc Minh, Thạch Gián dài hơn 4km. Được sự ủng hộ và phối

hợp chiến đấu của nhân dân, Nguyễn Tri Phương tạm thời ngăn chặn, đẩy lùi được quân Pháp không cho chúng tiến sâu hơn vào đất liền, buộc chúng phải thất bại trong âm mưu “tốc chiến tốc thắng”, sau 5 tháng xâm lược chúng chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà.

Năm 1859, Pháp chuyển hướng đánh thành Gia Định, quân nhà Nguyễn không rõ thương vong nhưng tan rã gần hết. Khi mặt trận Gia Định lâm nguy, một lần nữa ông lại được vua Tự Đức cử vào Gia Định và khẩn trương xây dựng Đại đồn Chí Hòa (về sau người Pháp gọi là Kỳ Hòa) để cầm cự, bao vây và bức rút quân Pháp trong một thời gian dài và làm nên trận đánh lịch sử tại đồn Chí Hòa làm khiếp đảm quân Pháp trước khi lui binh năm 1861.



Đại đồn Chí Hòa (hay Kỳ Hòa)



Quân Pháp tấn công thành Gia Định

Tại trận chiến này Nguyễn Tri Phương bị thương nặng và phải rút về lập đồn cản phá ở sông Đồng Nai - Biên Hòa. Nguyễn Tri Phương cho đắp “cản” bằng đá ong để ngăn tàu địch. Em trai ông là Nguyễn Duy đã chỉ huy 300 quân quyết tử chặn địch cho đại binh rút lui và hy sinh anh dũng.

Năm 1862, khi Nam Kỳ lục tỉnh rơi vào tay Pháp, một lần nữa được sự tin tưởng của vua Tự Đức ông được cử ra Bắc làm Tổng thống Hải An quân vụ, trông coi và trấn thủ thành Hà Nội. Sau khi nhận ra sự nhút nhát, yếu hèn và tham lam của tổng đốc Hà Nội Bùi Thức Kiên và Án Sát Nguyễn Trác lúc bấy giờ chỉ biết chăm lo cho bản thân, vun vén cá nhân, làm sao thu được nhiều thuế nhất và lạng lẽ chia nhau bổng lộc mà làm ngơ, bàng quang trước sự ngang ngược, đe dọa của quân thù mà lòng của Nguyễn Tri Phương đau như cắt từng đoạn ruột. Mặc dù là quan đồng triều với nhau nhưng sao ông chẳng thể ư nổi bộn quan lại hại nước hại dân. Ông cảm thấy những điều chẳng lành sắp xảy đến cho đất nước này. Với nỗi lo của một người dân yêu nước, ông thầm nghĩ: “ Nếu thành Hà Nội còn có những viên quan bất tài, tham lam mà lại nắm trong tay trọng trách lớn thì trước sau gì Hà Nội sẽ thất thủ mà thôi”.

Với trọng trách là khâm sai đại thần, trấn thủ thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương đã có những việc làm hết sức tích cực. Ông đã cho tăng cường hệ thống phòng thủ, chỉnh đốn lại binh mã, trọng dụng tướng Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen (không miệt thị viên tướng này mặc dù trước đó từng bị xem là giặc), liên lạc mật thiết với nhiều nhân vật có tiếng ở Hà Nội, với nhân dân. Ông hi vọng có thể giữ vững thành Hà Nội, đem lại sự bình yên cho miền đất ngàn năm văn hiến trường tồn mãi trước nanh vuốt bọn ngoại bang .

Khi Garnier một viên tướng người Pháp ngang ngược, ngạo nghễ buộc ông phải hạ khí giới giao thành, Nguyễn Tri Phương khẳng khái trả lời: “Việc ấy thuộc về các ông nhưng dân chúng tôi yêu đất đai, sông núi lắm đấy. Đụng vào của họ là phải bỏ xác lại thôi”.

Việc làm của ông thật đáng trân trọng !

Tâm huyết của ông đáng để kính phục !

Lời lẽ của ông trước quân thù thật can trường, dũng khí !

Nhưng hòa trong bối cảnh Lịch sử lúc bấy giờ, khi mà cả hệ thống triều đình phong kiến nhà Nguyễn nhìn chung là bạc nhược, yếu hèn, lung lay tận gốc

rễ, không tích cực triệt để đánh đuổi quân xâm lược thì một mình Nguyễn Tri Phương liệu có thể xoay chuyển được cục diện không ?



Quân Pháp tấn công thành Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 1873

Đêm ngày 19, rạng sáng ngày 20 tháng 11 năm 1873, Ganier cùng hơn 200 lính Pháp và lính ngụy đánh úp thành Hà Nội. Quân Pháp bất ngờ đánh chiếm vòng phòng thủ bên ngoài của hai cửa phía nam và vượt qua cầu trước khi quân trú phòng kịp bắn xuống. Đồng thời, pháo từ các pháo thuyền cũng bắn lên, khiến cho binh lính phòng thủ, do không quen với đạn pháo, bỏ chạy tán loạn khỏi thành theo cửa tây. Cùng lúc đó, hỏa lực quân Pháp cũng bắn vỡ cửa nam.

Nguyễn Tri Phương lên thành trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu. Trước thế giặc mạnh, ông không hề nao núng. Ông bình tĩnh chỉ huy quân và dân đánh trả bảo vệ thành. Tuy nhiên với giáo mác, cung tên và một số ít pháo thần công ông đã không thể đứng vững trước hỏa lực mạnh mẽ của quân thù. Từng mảnh tường thành Hà Nội vỡ vụn. Hàng loạt những tráng binh quả cảm ngã gục trước làn đạn lửa của quân Pháp. Trong một khoảnh khắc bất ngờ, Nguyễn Tri Phương ôm bụng quý xuống. Một mảnh đạn đại bác đã trúng vào người ông... và chỉ trong một giờ, quân Pháp đã treo cờ tam tài lên vọng lâu thành Hà Nội.

Đội hình quân nhà Nguyễn vỡ trận. Thành Hà Nội thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị trọng thương và bị bắt. Con trai Nguyễn Tri Phương là Phò mã Nguyễn Lâm bị trúng đạn chết tại trận.

Trong hoàn cảnh nguy khốn đó, Nguyễn Tri Phương - con người dũng cảm ấy vẫn kiên trì đấu tranh, giữ tròn khí tiết của mình. Mặc dù được giặc Pháp cảm phục đem lòng cứu chữa nhưng ông khẳng khái từ chối mọi sự giúp đỡ mà rằng: **“Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thung dung chết về việc nghĩa”**. Vị tướng già trong con nước nhà nguy khốn, dù sức cùng lực kiệt đã khẳng khái từ chối sự cứu chữa của kẻ thù. Ông chịu đau, tuyệt thực. Sau một tháng buồn rầu vì thành mất, vua quan bạc nhược, buồn cho vận nước, thương em và con đều hy sinh và đau đớn vì bị thương, ngày 20 tháng 12 năm 1873 (ngày 01 tháng 11 năm Quý Dậu), Nguyễn Tri Phương mất tại dinh Tổng đốc Hà Nội. Thi hài ông và Nguyễn Lâm được đưa về an táng tại quê nhà trong niềm tiếc thương vô hạn của mọi người. Dích thân vua Tự Đức tự soạn bài văn tế cho ba vị công thần (Nguyễn Duy, Nguyễn Lâm, Nguyễn Tri Phương) và cho lập đền thờ Nguyễn Tri Phương tại quê nhà.



Lăng mộ Nguyễn Tri Phương ở xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế (được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1990).

Từ Tổng thống quân thứ ở Đà Nẵng đến Tổng đốc thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương đã để lại hình ảnh đẹp của một vị tướng lẫm liệt, lừng lẫy gương trung can nghĩa khí trước quân thù.



Đường Nguyễn Tri Phương (Hà Nội)

Để tưởng nhớ công lao của ông, từ tháng 06 năm 1964 thành phố Hà Nội đã đặt tên ông cho con đường dài gần 1km, nối từ phố Phan Đình Phùng đến đường Điện Biên Phủ, vốn là con đường bên trong thành nội cổ.

“Thung dung chết về việc nghĩa”, người dân Hà Nội đã lập miếu thờ ông ở đền Trung Liệt trên gò Đống Đa cùng với người kế nhiệm ông trấn thủ thành Hà Nội là Tổng đốc người Quảng Nam Hoàng Diệu.



Đền thờ danh nhân Nguyễn Tri Phương tại thành cửa Bắc (Hà Nội)

Trước đền còn ghi câu đối xung tụng tấm gương vị quốc vong thân của con người trung nghĩa:

*“Thử thành quách, thử giang sơn, bách chiến phong trần dư xích địa
Vi nhật tinh, vi hà nhạc, thập niên tâm sự vọng thanh thiên”
(Kia thành quách, kia non sông, trăm trận phong trần còn thước đất
Là trời sao, là sông núi, mười năm tâm sự với trời xanh”).*



Tượng danh tướng Nguyễn Tri Phương tại Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng đã dựng tượng ông trước Bảo tàng Đà Nẵng, trong khuôn viên thành Điện Hải xưa.

Ngoài ra, để tỏ lòng kính trọng và ghi tạc công ơn đối với người anh hùng dân tộc Nguyễn Tri Phương thì ngoài việc dựng đền, tạc tượng, lập bia tưởng niệm thì tên của ông còn được đặt cho nhiều công trình công cộng như bệnh viện, cầu, trường học, tên đường v.v... ở nhiều tỉnh thành trong khắp cả nước.



Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương Biên Hòa – Đồng Nai



Con đường Nguyễn Tri Phương ở phường Bửu Hòa- Biên Hòa- Đồng Nai



Bệnh viện Nguyễn Tri Phương (TP Hồ Chí Minh)



Cầu Nguyễn Tri Phương (Đà Nẵng)

Nguyễn Tri Phương làm quan cho nhà Nguyễn 53 năm. Có thể nói từ khi bước vào con đường làm quan đến khi trút hơi thở cuối cùng, từ Nam chí Bắc thì cuộc đời Nguyễn Tri Phương luôn gắn liền với nhiều công trạng cho đất nước, đem lại bình yên cho nhân dân. Trong suốt thời gian đó, ông chỉ huy quân sĩ tác chiến 6 lần (từ năm 1836 tới năm 1873). Trong đó, có 5 lần ông đều giữ chức Tổng đốc quân vụ (nghĩa là Tổng chỉ huy mặt trận). Nhưng đối với ông, có lẽ ba lần cầm quân oanh liệt nhất đó là các lần cầm quân đánh Pháp ở Đà Nẵng, Gia Định và giữ Thành Hà Nội.

Nguyễn Tri Phương là một biểu hiện về đức độ xuất phát từ chủ nghĩa nhân đạo, vị tha truyền thống; xuất phát từ chữ nhân, chữ nghĩa. Quan điểm nhân sinh, chính trị vì nước, vì dân của Nguyễn Tri Phương thể hiện một cách toàn diện, sâu sắc và xuyên suốt trong tất cả các đường lối, chủ trương, hành động, quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội của ông mà nội dung chủ yếu nhằm phục vụ người dân.

Mặc dù xuất thân là một quan văn nhưng ông lại là một dũng tướng có đức, có tài, chỉ huy nhiều trận đánh với nghệ thuật quân sự độc đáo khiến quân thù khiếp đảm. Đại danh tướng Nguyễn Tri Phương được nhân dân và nhiều viên quan nhà Nguyễn tôn vinh, kính phục. Mặc dù trong cuộc đời làm tướng xông pha trận mạc của ông có lúc thành, lúc bại nhưng ông vẫn bình tĩnh, vững vàng ý chí, tinh thần, tin cậy của nhân dân và triều đình. Ông là một vị đại thần thanh liêm, thẳng thắn, đối với ông "*chức vị là tạm thời mà tình người là vĩnh viễn*". Cho nên ông vẫn kiên trung với sự nghiệp vì nước, vì dân của mình. Và ngay cả khi bị dồn vào đường cùng thì Nguyễn Tri Phương cũng chọn lấy cho mình một cái chết oai hùng để đáp đền sông núi.

Ông xứng đáng là một đại danh thần được đất Thăng Long - Hà Nội và cả nước Việt Nam đời đời tri ân, tưởng nhớ.

Khi ngồi viết những dòng cảm nhận này, thực sự lòng tôi rất bồi hồi xúc động, cảm phục con người quả cảm ấy đã hiến trọn cuộc đời mình cho non sông, đến lúc đầu bạc răng long trước mặt quân thù vẫn ngời ngời khí tiết anh dũng. Và thật cảm động khâm phục hơn, đáng trân trọng hơn nữa khi ta biết rằng mặc dù ông là một vị quan to, quyền cao chức trọng, được vua Tự Đức rất quý mến nhưng gia sản của ông lại chỉ rất thanh bần, giản dị, sống cuộc sống vật chất nghèo nàn. Gia tài trước sau vón vẹn một mái nhà tranh đơn sơ. Thử hỏi trong

triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc bấy giờ mấy ai được như ông? Nhân cách của ông không chỉ được người dân khâm phục mà ngay cả người Pháp cũng phải cúi đầu. Paulin Vial - một sử gia người Pháp viết: “Vị quan già ấy (ý nói Nguyễn Tri Phương) tất cả đều cung kính, ông phụng sự nước Nam với ý định không làm giàu bằng sự bóc lột cướp giết tài sản của dân chúng. Ấy là một gương đức hạnh vô biên khó tìm thấy ở Á châu...”. Còn gì đáng quý hơn nữa, thật đúng với câu thơ:

***“ Chỉ biết quên mình cho tất cả
Sống trọn cuộc đời với non sông...”***

Tuy không sinh trưởng ở Đồng Nai nhưng vùng đất Biên Hòa Đồng Nai cũng đã kịp ghi dấu ấn của ông với chiến công can giặc trên sông Đồng Nai. Một phần cuộc đời Nguyễn Tri Phương gắn với mảnh đất Biên Hoà với sự đóng góp rất quan trọng. Trang sử vẻ vang chống thực dân Pháp xâm lược trên mảnh đất thiêng này vinh dự gắn liền với tên tuổi Nguyễn Tri Phương.

Tháng 2 năm 1861, khi Gia Định thất thủ, đại bộ phận quân ta rút về lập tuyến phòng ngự ở Biên Hoà. Nguyễn Tri Phương đã củng cố trận tuyến phòng thủ và cho quân trấn giữ các nơi xung yếu. Ông cho quân đắp lũy ở Tân Hoa, Trúc Giang, Sông Ký, củng cố lũy Đông Giang, Phước Tứ và Đồng Môn. Ở pháo đài Phước Thắng và cửa Cần Giờ, ông điều quân canh giữ mặt biển.



Một khúc sông Đồng Nai trước đền Nguyễn Tri Phương ngày nay.

Trên sông Đồng Nai, Nguyễn Tri Phương cho đắp cản bằng đá ong để ngăn chặn tàu thuyền địch. Chỗ đắp cản quan trọng nhất là khúc sông Long Đại, độ phân nửa đường sông Nhà Bè – Biên Hoà. Hễ dưới sông có “cản” thì trên bờ có đồn lũy, đại bác cùng những chiếc thuyền con chở đầy thuốc nổ để dùng cho thuật đánh hỏa công. Một trong những bức tường cản còn lưu lại tới ngày nay là “cản” ở khúc sông trước đền thờ Nguyễn Tri Phương bây giờ. Tương truyền khi Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hoà, công việc phòng thủ đang gấp rút tiến hành thì triều đình có lệnh triệu hồi ông. Nhân dân Biên Hoà thương kính, tin yêu đã cản đầu ngựa, khẩn cầu ông ở lại đánh giặc cho đến cùng.

Người Đồng Nai trọng nghĩa, trọng tình. Mặc dù chỉ lưu lại mảnh đất Biên Hoà - Đồng Nai trong thời gian không lâu nhưng con người nhân nghĩa giàu lòng yêu nước ấy được nhân dân Đồng Nai vô cùng quý mến, kính trọng. Với danh nhân Nguyễn Tri Phương, tài năng đức độ, cuộc đời và khí tiết của ông vẫn mãi sống toàn vẹn trong niềm tin yêu kính trọng của người Đồng Nai. Năm 1873, khi nghe tin danh tướng Nguyễn Tri Phương mất, để tỏ lòng ngưỡng mộ và thương tiếc vị anh hùng đã có công trong việc di dân lập ấp, mở mang lãnh thổ Đàng Trong, cùng với Nguyễn Duy làm về vang thêm trang sử Biên Hoà, nhân dân tạc tượng Nguyễn Tri Phương và thờ ông tại đình. Từ đó, Mỹ Khánh đình được gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương.



Đền thờ Nguyễn Tri Phương tại Biên Hoà- Đồng Nai

Đền thờ Nguyễn Tri Phương tọa lạc bên hữu ngạn sông Đồng Nai thuộc địa phận phường Bửu Hoà, thành phố Biên Hoà. Hiện hữu trong một không gian thoáng rộng nên thơ, đồng hành với thời gian nhiều biến cố, đền thờ Nguyễn Tri Phương trở thành một ấn tích đẹp đẽ, một biểu tượng thiêng liêng của con người Đồng Nai vốn có truyền thống thủy chung với tổ tiên. Xung quanh ngôi đình là cảnh cây, sông nước hữu tình, phía trước có rừng dương liễu ngày đêm vờn gió vi vu, phía trên có đường thiên lý Bắc - Nam (Quốc lộ I cũ) vượt qua sông Đồng Nai bằng cầu Gành, bao bọc phía sau là cả vành đai khu dân cư với vườn cây trái sum suê.

Đền thờ Nguyễn Tri Phương như sống giữa vòng tay ấm áp niềm tin yêu kính trọng của người dân Biên Hoà - Đồng Nai. Đền đã được bộ văn hóa Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia theo Quyết định số 97/QĐ, ngày 21 tháng 01 năm 1992.

Hàng năm có tổ chức lễ hội đình từ 16 đến 17 tháng 10 âm lịch (còn gọi là lễ Kỳ Yên). Lễ Kỳ yên được chuẩn bị rất chu đáo. Trước khi hành lễ, các vị hương chức lớn nhỏ đều hội tại đền để yết kiến thần thánh. Đến tối lễ bắt đầu từ lúc trăng lên cũng là khi con nước bắt đầu lớn. Lễ kéo dài trong hai ngày với những nghi thức tiến thần, diễn hành lễ bộ, tống phong... rất độc đáo và đẹp mắt. Dân trong làng cùng các nơi xa gần cùng các ban quý tế đình, đền trong vùng đến dự.





Lễ Kỳ yên ở đền Nguyễn Tri Phương được tổ chức từ 16 đến 17 âm lịch

Trước anh linh ông, những người đến với lễ Kỳ yên như thoát khỏi bề bộn lo âu của đời thường, lòng người hướng về sự thanh cao, thiêng liêng, tưởng nhớ công lao, đức trọng của Nguyễn Tri Phương, tôn thờ ông là vị phúc thần của làng xã.

Sống oai hùng, thác oanh liệt, người dân Biên Hoà với niềm tin son sắt rằng chính ông làm cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà đem lại thịnh vượng cho xứ sở. Hơn một thế kỷ trôi qua, cùng với hồn thiêng sông núi, oai linh tướng quân Nguyễn Tri Phương như vẫn còn quanh đây trong suốt cuộc trường chinh đánh đuổi thực dân, để quốc giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Khí phách anh hùng và tấm gương trung trinh của Nguyễn Tri Phương – cũng như nhiều thế hệ họ tộc của ông – đã làm chói lòa đạo lý xả thân vì độc lập tự do cho Tổ quốc, mãi được lịch sử khắc ghi, là niềm kiêu hãnh của người dân Việt trong quá khứ, hiện tại và cho cả mai sau. Là một tấm gương lớn cho các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ một bài học vàng son về lòng yêu nước.



Cứ thành một cái lệ, có dịp đi ngang qua Cù Lao Phố, tôi lại có dịp vào thăm ngôi đền Nguyễn Tri Phương ở phường Bửu Hòa, Biên Hòa - Đồng Nai

thấp cho ông một nén hương tri ân tạ dạ. Khung cảnh đền thiêng làm cho mình có một cảm giác băng không, hồi tưởng, trách nhiệm biết sống sao cho xứng đáng với những công lao, sự hi sinh to lớn của bậc tiền nhân đi trước .

Bỗng nhiên những ca từ đẹp của bài hát **Tự Nguyện** mà tác giả Trương Quốc Khánh sáng tác văng vẳng đâu đây càng giúp tôi thấm thía, cảm phục hơn tinh thần hy sinh cho Tổ quốc, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Chắc chắn đó sẽ là sự hi sinh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của một con người:

*“ Nếu là chim, tôi sẽ loài bồ câu trắng.
Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương.
Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm.
Nếu là Người, tôi sẽ chết cho quê hương.

Là chim, tôi sẽ cất cao đôi cánh mềm.
Từ Nam ra ngoài Bắc báo tin nối liền.
Là hoa, tôi nở tình yêu ban sớm.
Cùng muôn trái tim ngất ngây hòa bình.

Là mây, theo làn gió tung bay khắp trời.
Nghìn xưa oai hùng đó tôi xin tiếp lời.
Là Người, xin một lần khi nằm xuống.
Nhìn anh em đứng lên phát cao ngọn cờ”.*

Trở về với công việc hàng ngày là một giáo viên giảng dạy đứng trên bục giảng, tôi cảm thấy thật tự hào về những trang Sử Việt Nam, tự hào về con người Việt Nam nói chung và danh nhân Nguyễn Tri Phương nói riêng. Là người truyền đạt tri thức tôi cảm thấy trách nhiệm của mình cũng thật lớn lao. Và chắc chắn trong những bài giảng của mình, tôi sẽ truyền thêm sức sống, niềm tin yêu mãnh liệt cho học sinh – thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tự hào về những trang sử hào hùng của cha ông từ đó giúp các em kính phục, biết ơn và trân trọng những công lao đóng góp cho sự nghiệp giải phóng nước nhà nói chung, Đồng Nai nói riêng. Chung tay xây dựng một Đồng Nai văn minh, đất nước giàu mạnh.

Thành kính tri ân ông - **NGUYỄN TRI PHƯƠNG** người con tiêu biểu của dân tộc Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng, xin được phép mượn

hai câu thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong “*Lịch sử nước nhà*” để khép lại cho bài cảm nhận này:

*“ Nước ta nhiều kẻ tôi trung
Tâm lòng tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương
Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương
Cùng thành còn mất, tấm gương muôn đời ”.*

PHẦN II: MỘT SỐ Ý KIẾN- KIẾN NGHỊ

Hiện nay, Đồng Nai đang là một tỉnh công nghiệp năng động, phát triển của cả nước. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã mang lại cho đất nước nói chung, Đồng Nai nói riêng nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. Qua đó đời sống về vật chất và tinh thần của đại bộ phận người dân không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, còn một số bộ phận người dân vì nhiều lí do bị chi phối bởi “com, áo, gạo, tiền” chỉ chú trọng làm kinh tế mà vô tình lại quên đi những giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống đáng quý của cha ông, của dân tộc. (nhất là thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước). Vì vậy giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa – Lịch sử là một việc vô cùng quan trọng và cần thiết.

Là một người con của xứ Đồng Nai đồng thời cũng là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước, tôi xin có một số ý kiến – kiến nghị sau:

1. Bổ sung thêm nội dung, hình thức học tập Lịch sử địa phương Đồng Nai cho học sinh THCS và THPT.

Hiện nay, trong khung phân phối chương trình giảng dạy của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, Sở giáo dục và đào tạo đã có những tiết Lịch sử địa phương được lồng vào giảng dạy ở các khối lớp 6, 7, 8, 9. Tuy nhiên thời lượng giảng dạy dành cho Lịch sử địa phương lại chưa nhiều, nếu không muốn nói là quá ít. Đặc biệt là không có tiết nào dạy về những danh nhân đất Đồng Nai, những nhân vật lịch sử Đồng Nai hay về những mẹ Việt Nam anh hùng. Vì vậy dẫn đến sự việc là phần lớn học sinh rất “lờ mờ”, thậm chí không biết gì về những nhân vật tiêu biểu có đóng góp lớn trong việc hình thành và phát triển đất Đồng Nai. Hoặc nếu có biết thì cũng chỉ nghe đến cái tên thôi. Vấn đề đó thật đau lòng !

Vì vậy tôi có ý kiến trong khung phân phối chương trình nên tăng thời lượng giảng dạy về lịch sử địa phương Đồng Nai ở các khối lớp. Cụ thể là mỗi khối tăng thêm 3 tiết trong năm học. Nội dung giảng dạy là bổ sung thêm một số những nhân vật tiêu biểu, nhân vật Lịch sử có công hoặc có ảnh hưởng đến Đồng Nai. (Có thể là ở lớp 6 và 7 các em sẽ được học về một số Danh nhân, nhân vật Lịch sử tiêu biểu của Đồng Nai. Lớp 8 và 9 các em sẽ được học về một số anh hùng tiêu biểu, những mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh Đồng Nai). Ngoài ra nên có một hoặc hai tiết *tham quan học tại thực địa, học tại những khu di tích* hoặc tổ chức những chuyến du khảo về nguồn để tìm hiểu rõ hơn về thân thế sự nghiệp, công lao của những tiên nhân này qua đó giúp các em phần nào hiểu thêm và tự hào về truyền thống chống giặc xâm của cha ông ngay trên mảnh đất Đồng Nai quê hương mình.

2. Nên mở cửa thường xuyên các khu di tích, nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác quản lý khu di tích .

Những khu di tích thờ những danh nhân hoặc những nhân vật Lịch sử tiêu biểu của Đồng Nai là những giá trị vật chất, tinh thần của người dân. Vì vậy thường xuyên mở cửa khu di tích là một việc rất nên làm.

Có lẽ còn có một số lí do nên theo chủ quan bản thân tôi thấy các khu di tích Lịch sử thường khóa cửa và không thấy người trông coi thường xuyên. Nếu không phải là ngày lễ hội hoặc có đoàn khách nào sẽ vào thăm thì không khí thường gặp ở các khu di tích lịch sử là rất hoang vắng. Do đó muốn đến quét dọn phụ hoặc thắp hương tưởng nhớ các bậc tiền bối cũng sẽ gặp khó khăn. Vì

vậy thiết nghĩ Ban quản lý khu di tích nên mở cửa thường xuyên đồng thời cắt cử người trực ở khu di tích để nhân dân có thể vào được mà thành kính tri ân thể hiện tấm lòng của mình (thuận lợi cho cả những đoàn khách du lịch, khách hành hương muốn đến thăm đình một cách bất chợt).

Hiện nay, theo tôi thấy việc quản lý và chăm nom các khu di tích còn chưa được quan tâm đúng mức. Thậm chí ở một số khu di tích còn có hiện tượng buôn bán hàng ăn nước uống ở trong hoặc trước cổng khu di tích. Ví dụ như ở đền thờ Đoàn Văn Cự (Tam Hiệp), đình Tân Lâm (phường Hòa bình), đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh v.v..Thậm chí xung quanh khu di tích còn xuất hiện nhiều bãi rác do dân xung quanh tạo ra. Điều này sẽ gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và đặc biệt ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm cần phải có của những khu di tích. Vì vậy, tôi có ý kiến là các cơ quan có chức năng có biện pháp chấm dứt tình trạng này để trả lại sự tôn nghiêm cho những nơi này, đây cũng là một trong những biện pháp giúp bảo vệ khu di tích.

3. Công tác thuyết minh, giới thiệu tại di tích.

Một điều dễ nhận thấy khi vào các khu di tích đó là không có người đảm nhiệm công tác thuyết minh, giới thiệu. Vì vậy khi vào thì người tham quan sẽ phải tự mình khám phá, tìm hiểu qua những hiện vật hoặc tư liệu có sẵn ở khu di tích (có sao biết vậy) nên sẽ dẫn đến tình trạng hiểu không đầy đủ và do đó sẽ không để lại ấn tượng gì nhiều cho bản thân người tham quan. Thiết nghĩ Ban quản lý khu di tích nên có kiến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền (ví dụ như UBND tỉnh) bổ sung người làm công tác thuyết minh, giới thiệu để người dân khi vào các di tích sẽ được hiểu rõ hơn về thân thế sự nghiệp, công trạng cũng như những đóng góp vào sự phát triển của đất nước nói chung, Đồng Nai nói riêng.

4. Nên thường xuyên trùng tu, bảo vệ khu di tích lịch sử.

Hiện nay có một số khu di tích bị xuống cấp do sự mài mòn theo thời gian và cả một bộ phận người dân chưa có ý thức giữ gìn bảo vệ khu di tích. Theo thời gian nếu không có sự quan tâm đầu tư đúng mức thì những khu di tích này sẽ ngày càng xuống cấp hơn. Và thậm chí đến một lúc nào đó sẽ không thể tham quan được nữa vì lí do an toàn cho người đi tham quan (như thành cổ Biên Hòa hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng). Vì vậy nên tăng cường trùng tu, bổ sung thêm kinh phí từ các nguồn (có thể thực hiện công tác xã hội hóa để có kinh

phí) giúp khu di tích được khang trang hơn, sạch đẹp hơn để xứng tầm là những di tích lịch sử cấp quốc gia.

5. Tổ chức thêm nhiều những hoạt động tri ân.

Nên tổ chức nhiều hơn nữa những hoạt động TRI ÂN một cách thường xuyên (bên cạnh ngày giỗ, ngày ghi công trạng) để cùng ôn lại những công lao, những đóng góp tích cực, những tấm gương anh dũng đối với sự phát triển của quê hương và của mảnh đất Biên Hòa Đồng Nai. Từ đó giúp đại bộ phận người dân cảm thấy tự hào, trân trọng những đóng góp hi sinh đó, đặc biệt là thế hệ trẻ. Qua đó có trách nhiệm hơn đối với mảnh đất nơi mình sinh sống, ra sức phấn đấu học tập và lao động góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh

6. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá giới thiệu và phát huy giá trị của di tích.

Việc quảng bá, giới thiệu về nguồn gốc, ý nghĩa của các di tích được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo và trên cổng thông tin điện tử Đồng Nai, hoặc là thông qua các tour du lịch. Một số tỉnh trong cả nước khi du khách đi du lịch thì sẽ có kết hợp tham quan, tìm hiểu về các khu di tích của tỉnh họ. Đồng Nai chúng ta có lẽ thông qua du lịch chưa làm được điều này một cách có hiệu quả, mặc dù chúng ta có nhiều khu di tích. Vì vậy tăng cường tuyên truyền, quảng bá giới thiệu và phát huy giá trị của những khu di tích (trong đó có đền thờ Nguyễn Tri Phương) nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cũng cần được chú ý.

7. Có sự kiểm tra, theo dõi thường xuyên ở các khu di tích.

Một số khu di tích lịch sử như đã nói ở trên thường rơi vào tình trạng hoang vắng, thiếu sự chăm sóc thường xuyên nên theo thời gian có thể bị xuống cấp. Vì vậy thường xuyên phối hợp kiểm tra, trực tiếp theo dõi phát hiện tình trạng hư hỏng ở các khu di tích (ví dụ như theo dõi sự xuống cấp của di tích, tình trạng của các cổ vật, bia ghi tiểu sử và công trạng của các danh nhân) phát hiện kịp thời những sai sót khi thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích.

8. Tăng cường tổ chức các hội thi, những buổi hội thảo.

Hàng năm, một cách thường xuyên hơn, các Sở Ngành liên quan tổ chức những cuộc thi tìm hiểu về những danh nhân tiêu biểu, nhân vật lịch sử Đồng Nai cho mọi đối tượng nhân dân tham gia, đặc biệt là học sinh sinh viên, Đoàn thanh niên. Bên cạnh thi viết bài cảm nhận thì hình thức cũng nên đa dạng, có

thể là thi biểu diễn những tiểu phẩm kịch ngắn, thi vẽ tranh hoặc cũng có thể **thi sáng tác truyện tranh về Lịch sử Đồng Nai** để mọi người có thể tiếp nhận thông tin dưới những hình thức khác nhau (đặc biệt là đối với các em học sinh, thiếu niên, nhi đồng).

Ngoài ra thì cũng nên thường xuyên tổ chức các sân khấu kịch hoặc tuồng, chèo ở mỗi địa danh và mở cửa tự do cho mọi người dân đến xem qua đó tái hiện lại những trận chiến đấu oai hùng, những tấm gương bất khuất trung liệt của các bậc tiền nhân.

Bên cạnh đó có thể tổ chức những cuộc hội thảo về danh nhân tiêu biểu, nhân vật lịch sử, anh hùng lực lượng vũ trang hay về những Bà mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh Đồng Nai nhằm tái hiện lại công trạng, sự hi sinh của những bậc tiền nhân này.

9. Cần thiết lập một trang webside riêng .

- Có thể được thì Tỉnh Đồng Nai nên tạo dựng riêng một trang Webside của tỉnh về Những nhân vật tiêu biểu Đồng Nai, những nhân vật lịch sử Đồng Nai, Anh hùng của Đồng Nai (cả lực lượng vũ trang và anh hùng lao động), những Bà mẹ Việt Nam anh hùng (làm thành một cách có hệ thống từ tiêu sử, quá trình hoạt động và đóng góp, chiến công v.v..) và những di tích lịch sử đã được công nhận là di tích cấp quốc gia (từ vị trí địa lý, cấu trúc của di tích, thực trạng hiện nay của di tích v.v...) và cung cấp địa chỉ trang Webside này trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người vào tham khảo để có được nguồn kiến thức một cách nhanh nhất và dễ dàng. Tạo điều kiện truyền bá cho mọi người biết, kể cả những người chưa có cơ hội tham quan và tìm hiểu về di tích, về những con người tiêu biểu của Đồng Nai. Đây cũng là cách góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị vật chất và tinh thần của di sản.

10. Tuyên truyền thêm qua các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Đài phát thanh truyền hình của Đồng Nai dành thời lượng từ 15 đến 20 phút mỗi tuần (có thể trên đài Đồng Nai 1, Đồng Nai 2 hoặc Đồng Nai 3) làm thành một chuyên mục để giới thiệu hoặc tuyên truyền về những nhân vật có công đối với sự hình thành và phát triển của đất Đồng Nai để mọi người dân trong tỉnh có cơ hội thường xuyên được ôn lại và tự hào về những người con Đồng Nai quê hương mình.

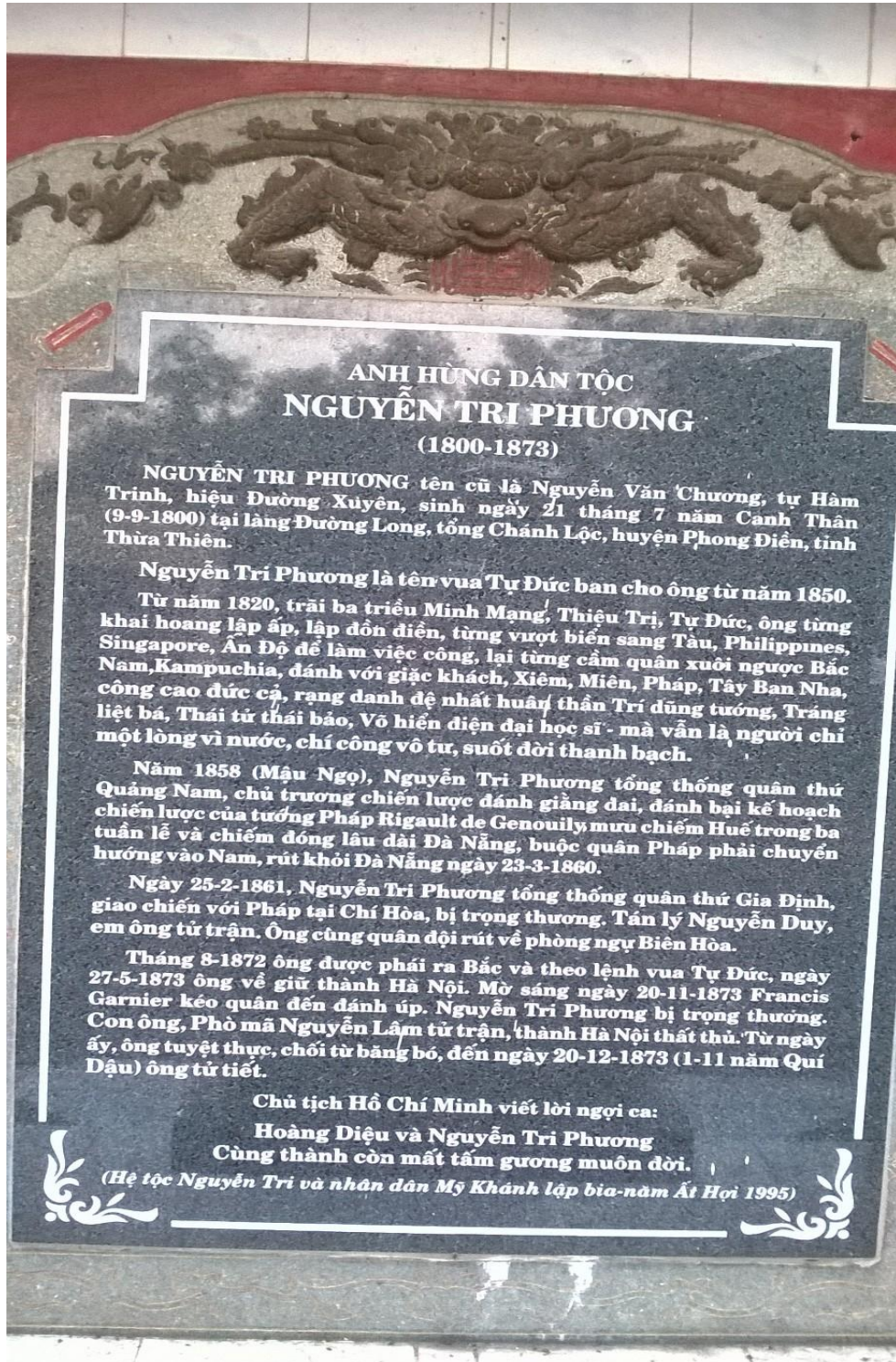
Các đài truyền hình nên sản xuất nhiều hơn các bộ phim cổ trang, phim tài liệu về Danh nhân tiêu biểu, nhân vật Lịch sử, các anh hùng, Mẹ Việt Nam anh hùng để giúp công chúng có thể tìm hiểu thêm về những người con anh hùng của nước Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng./.

PHỤ LỤC ẢNH MINH HỌA THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ (Đền thờ Nguyễn Tri Phương ở Biên Hòa, Đồng Nai)





Đền vốn là ngôi miếu nhỏ do người dân thôn Mỹ Khánh dựng nên để thờ thần Thành Hoàng bốn cảnh. Đến đầu khoảng thế kỷ XIX (năm 1803), ngôi miếu được nhân dân sở tại xây dựng thành ngôi đền. Từ đó cho đến nay, ngôi đền được nhiều lần trùng tu. Năm 1873, khi danh tướng Nguyễn Tri Phương mất, để tỏ lòng ngưỡng mộ và thương tiếc vị anh hùng, người dân địa phương tạc tượng Nguyễn Tri Phương và thờ ông tại đình. Từ đó, Mỹ Khánh đình được gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương.



*Họ tộc Nguyễn Tri tại Thành phố Hồ Chí Minh đã dựng bia
khắc ghi công trạng
của Nguyễn Tri Phương dựng trước sân đình.*



Tác giả bên tấm bia ghi tiểu sử anh hùng dân tộc Nguyễn Tri Phương.



*Ảnh chụp tác giả và Bác Đặng Bửu Sa (Mười Sa)
người trông coi đền Nguyễn Tri Phương.*



Khung cảnh bên trong đền thờ Nguyễn Tri Phương (Chánh điện)



Bàn hương án có điểm khắc lưỡng long triều nhật, mô típ hoa văn dây, hoa, lá được cách điệu rất tinh tế. Trước bàn thờ có đặt ngai gỗ chạm khắc tả hình đầu rồng, long vân sơn son thếp vàng tinh xảo. Chánh điện có tượng Nguyễn Tri Phương được tạc khắc bằng gỗ. Tương truyền, một bô lão ở địa phương nằm mộng thấy Đức Ông Nguyễn Tri Phương hiện về với áo mào lâm liệt, vũ khí trong tay oai hùng, bèn chặt cây mít trước nhà tự tay tạc như hình trong mộng. Đó là bức tượng chính của đền hiện nay.



Ảnh chụp tác giả trong đền thờ bên cạnh tấm ảnh của Nguyễn Tri Phương. Theo Bác Mười Sa (người trông coi đền) thì đây là tấm ảnh mà đích thân con cháu của Nguyễn Tri Phương đã mang từ nước ngoài về.



Ảnh chụp tác giả bên cạnh tượng thờ Nguyễn Tri Phương do Hội đồng hương tỉnh Thừa Thiên Huế tặng nhân kỉ niệm 310 năm Biên Hòa- Đồng Nai.

MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ KHÁC MÀ TÁC GIẢ ĐÃ THAM QUAN

1. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh



Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) tên thật là Nguyễn Hữu Thành, húy Cảnh (Kính), sanh năm Canh Dần tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698) Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược vùng đất Đồng Nai - Nam bộ. Đây là vùng đất được người Việt vào khai khẩn đầu thế kỉ XVIII. Năm 1679, các đoàn người Hoa theo Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch từ Trung Quốc đến thần phục Nam triều, được chúa Nguyễn cho phép định cư ở Đồng Nai. Họ cùng người Việt lập nên thương cảng cù lao Phố sầm uất bấy giờ. Nguyễn Hữu Cảnh

dừng chân ở Cù Lao Phố (nay thuộc thành phố Biên Hòa) bắt tay vào việc tổ chức hành chính, xác định biên cương lãnh thổ, lập thành làng xã, thôn xóm, quy định các thứ thuế đinh điền và chỉ đạo phát triển kinh tế ở vùng đất mới. Ông chia xứ Đồng Nai (bao gồm cả Nam bộ lúc bấy giờ) ra làm hai huyện thuộc phủ Gia Định

Nguyễn Hữu Cảnh là “ vị công thần trên đường gian lao mở nước” và được nhân dân khắp nơi tôn kính lập miếu thờ phụng (Đồng Nai, An Giang, Huế, Quảng Bình...)

Đối với vùng đất Đồng Nai, Gia Định, Nguyễn Hữu Cảnh là bậc “Khai quốc công thần”. Ở đây, ông đặt tổng hành dinh, cho di dân lập ấp, dựng thành dinh trấn, mở đường cho việc khuếch trương kinh tế, thương mại. Người dân

Đồng Nai trân trọng công lao của ông đã cải đình Bình Hoà thành Bình Kính thờ ông với lòng ngưỡng vọng sâu sắc.

Năm 1998, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã xây dựng nhà bia ghi lại lịch sử 300 năm của vùng đất Biên Hòa Đồng Nai trong khuôn viên của đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Ngày 16/05 và ngày 11/01 âm lịch hằng năm, nhân dân địa phương tổ chức tế lễ, cầu cho quốc thái dân an và tưởng nhớ đức công đức to lớn của bậc tiền nhân có công khẩn hoang, xác lập nền hành chính tại vùng đất phương nam

2. Đình Tân Lâm



Đình đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Đình Tân Lâm tọa lạc giữa vùng dân cư đông đúc, trên đường Nguyễn Văn Trị, thuộc phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa. Tương truyền, đình Tân Lâm ban đầu là ngôi miếu nhỏ ở thành Kèn do dân làng dựng lên từ thời Minh Mạng để tỏ lòng ngưỡng vọng Trần Biên Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên, người có công lớn trong việc khai khẩn và phát triển vùng đất Đồng Nai - Gia Định.

Trần Thượng Xuyên tự là Trần Thắng Tài, người gốc Quảng Đông (Trung Quốc). Một công thần của nhà Minh đã phát cờ “Bãi Thanh phục Minh“ khi Vương triều này sụp đổ nhưng bất thành nên đem 3000 quân cùng gia quyến trên 50 chiếc thuyền đến nước ta yết kiến chúa Nguyễn xin làm dân Đại Việt đến lập nghiệp ở Bàn Lâm (Biên Hòa).

Tại Cù Lao Phố, ông chiêu tập thương nhân, lập phố xá lo mở mang nông nghiệp, buôn bán và trao đổi hàng hóa. Chính vì vậy mà Cù Lao Phố sớm trở thành một đô thị sùng túc và bến cảng nổi tiếng ở phía Nam thời bấy giờ.

Đời vua Minh Mạng và Thiệu Trị, Trần Thượng Xuyên được phong là Thượng Đẳng thần và được nhân dân vùng Đồng Nai - Gia Định lập đền thờ ghi nhớ công lao như bậc tiền hiền lưu dấu chân mở vùng đất mới Nam bộ.

Tại Biên Hòa, nhân dân lập đền thờ ông. Ngày 23 tháng 10 âm lịch là ngày khách thập phương đến đình Tân Lân viếng “Đức ông” Trần Thượng Xuyên.

3. Đoàn Văn Cự



Đoàn Văn Cự sinh năm 1835, quê tại Bình An, Thủ Đức thuộc tỉnh Gia Định cũ, trong một gia đình nho học khá giả. Cha ông là nhà nho uyên thâm, có tinh thần yêu nước nhưng không gặp thời vận.

Nổi chí cha, cụ Đoàn Văn Cự đưa vợ con đến cư ngụ tại rừng chồi Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa cũ (nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) tiếp tục hoạt động chờ thời cơ chống Pháp. Tại đây, Đoàn Văn Cự ẩn mình trong bộ quần áo tu hành ngầm hoạt động bằng nghề dạy học, coi thuốc và bốc thuốc gia truyền. Trong điều kiện đó, cụ đã tuyên truyền

khơi dậy lòng yêu nước và tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia hội kín (Thiên Địa hội) nhưng thực chất là nghĩa binh chống Pháp.

Ngày mùng 8 tháng 4 (âm lịch) năm 1905, thực dân Pháp lệnh cho một viên sĩ quan chỉ huy một tiểu đội lính mã- tà có vũ trang bao vây thôn Vĩnh Cửu. Như có linh tính cảm thấy sắp có biến cố lớn xảy ra, cụ Đoàn chỉ huy hàng trăm nghĩa binh chuẩn bị đối phó. Phục binh cả ngày vẫn không thấy nên cụ cho giải tán. Nhưng nghĩa binh vừa rút, Pháp kéo quân rầm rộ tới. Thấy địch vào, không nói lời nào, cụ liền rút dao chém xả vào đầu viên đại úy Pháp. Tên này thoát chết, hấn lập tức rút súng bắn vào cụ mấy phát, cụ gục chết trước bàn thờ Tổ. Cụ Đoàn hy sinh khi đã ngoài 70 tuổi nhưng tướng mạo vẫn còn phương phi, oai phong凛冽. cụ ngã xuống với vẻ hiên ngang của một trang võ tướng.

Sáng hôm sau, quân Pháp bắt dân làng đào đất và khiêng xác cụ Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa binh chôn xuống một ngôi mộ chung ở gần căn cứ. Để tưởng nhớ uy linh cụ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh đã hy sinh anh dũng, năm 1956 nhân dân địa phương đã xây dựng một đền thờ tại xã Tam Hiệp bên quốc lộ 15 để tôn thờ những anh linh nghĩa tử vì đất nước. Hàng năm vào ngày 8 tháng 4 âm lịch, nhân dân nơi đây tụ tập về đền để thiết lễ giỗ cụ Đoàn Văn Cự và nghĩa binh của ông.

4. *Trình Hoài Đức*



Trịnh Hoài Đức sinh năm 1765 và mất năm 1825, đều là năm Ất Dậu, tròn 60 tuổi. Ông còn có tên là An, tự Chỉ Sơn, hiệu là Cán Trai. Khi mất được vua Minh Mạng ban tên thụy là Văn Khác.

Trịnh Hoài Đức làm quan trải 2 triều vua Gia Long, Minh Mạng, được tin yêu, giữ nhiều chức vụ quan trọng như Hiệp tổng trấn, Lại bộ Thượng Thư v.v... Tài năng và nhân cách, đức độ của ông là một tấm gương sáng bấy giờ.

Trịnh Hoài Đức là nhà văn hóa ưu tú của xứ Đồng Nai. Ông để lại cho hậu thế một kho tàng trước tác đồ sộ gồm văn thơ và công trình nghiên cứu lịch sử.

Tháng ba năm Ất Dậu (1825), sau một thời gian lâm bệnh, Trịnh Hoài Đức qua đời tại Phú Xuân, thọ 60 tuổi. Linh cửu Trịnh Hoài Đức về đến Phiên trấn, tả quân Tổng trấn Lê Văn Duyệt đích thân phúng viếng rồi hộ ông về chôn cất nơi quê mẹ tại làng Bình Trước, tỉnh Biên Hòa

Ông là một con người tài đức vẹn toàn, được vua Gia Long và Minh Mạng tin yêu, quần thần ngưỡng vọng. Làm quan đến chức cực phẩm mà vẫn sống giản dị thanh cao, chỉ biết quên mình lo việc ích nước lợi dân.

Những thế hệ con dân Biên Hòa - Đồng Nai về sau vẫn biết ơn và tự hào về ông- một tài năng lớn, một nhân cách lớn đã góp phần đặt nền móng cho một vùng hào khí Đồng Nai- văn hóa Đồng Nai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Biên Hòa- Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển.
(Nhà xuất bản Đồng Nai- 1998)*
- 2. Kể chuyện lịch sử nước nhà thời đầu nhà Nguyễn.
(Nhà xuất bản trẻ và nhà xuất bản giáo dục Việt Nam)*
- 3. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884.
(Nhà xuất bản tổng hợp TP HCM)*
- 4. Quan lại trong lịch sử Việt Nam.
(Nhà xuất bản thanh niên)*